

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 11 – 2019.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Dũng Phương.

2. Ông Phan Thành Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Hồng T – sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Trần Minh Th – sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Trần Minh Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn nên không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ tháng 5/2017 đến nay, chị và anh Th sống ly thân nhau. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 03 con chung là:

- Trần Ngọc Phụng Ng – sinh ngày: 16/6/2011.
- Trần Thế M – sinh ngày: 18/5/2012.
- Trần Bảo N – sinh ngày: 19/10/2016.

Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và đồng ý giao 02 cháu M, N cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Minh Th trình bày:

Anh và chị Hồ Thị Hồng T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không chăm lo cho gia đình. Do đó trong cuộc sống chung thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ tháng 5/2017 đến nay, anh và chị T sống ly thân nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, nghĩ cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là:

- Trần Ngọc Phụng Ng – sinh ngày: 16/6/2011.
- Trần Thế M – sinh ngày: 18/5/2012.
- Trần Bảo N – sinh ngày: 19/10/2016.

Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu M, N và đồng ý giao cháu Ng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị T (bản sao); CMND của anh Th (photo); Sổ hộ khẩu của chị T (bản sao); Sổ hộ khẩu của anh Th (photo); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Đơn xin xác nhận (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung đối với cháu Trần Ngọc Phụng Ng và cháu Trần Thế M. Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:
- + Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Hồ Thị Hồng T và anh Trần Minh Th là vợ chồng.
- + Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Ngọc Phụng Ng – sinh ngày: 16/6/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 cháu Trần Thế M – sinh ngày: 18/5/2012 và Trần Bảo N – sinh ngày: 19/10/2016 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.
- + Về án phí: Đề nghị buộc chị Hồ Thị Hồng T phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung đối với bị đơn anh Trần Minh Th. Anh Th đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Hồ Thị Hồng T và anh Trần Minh Th là các đương sự trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh Th được xác lập vào năm 2010 là do tự nguyện, chị T và anh Th kê khai không đăng ký kết hôn. Qua kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân địa phương cho thấy lời khai của chị T và anh Th là chính xác. Ủy ban nhân dân địa phương không cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh Th và chị T là không hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T và anh Th sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Do đó trong cuộc sống chung thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th. Anh Th đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Do hôn nhân của chị T và anh Th không hợp pháp vì vậy khi có yêu cầu giải quyết ly hôn thì căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân

dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Tòa án mở phiên tòa xét xử để tuyên bố không công nhận chị Hồ Thị Hồng T và anh Trần Minh Th là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Th có 03 con chung là:

- Trần Ngọc Phụng Ng – sinh ngày: 16/6/2011.
- Trần Thế M – sinh ngày: 18/5/2012.
- Trần Bảo N – sinh ngày: 19/10/2016.

Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và đồng ý giao 02 cháu M, N cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th đồng ý với yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị T.

Xét thấy bản thân chị T và anh Th có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị T và anh Th ly thân nhau đến nay, cháu Ng do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M và cháu N do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu Ng có nguyện vọng sống cùng chị T, cháu M có nguyện vọng sống cùng anh Th. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên tiếp tục giao cháu Ng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 cháu M và N cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do chị T và anh Th không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Hồ Thị Hồng T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Hồ Thị Hồng T và anh Trần Minh Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T và anh Th có 03 con chung là:

- Trần Ngọc Phụng Ng – sinh ngày: 16/6/2011.
- Trần Thế M – sinh ngày: 18/5/2012.
- Trần Bảo N – sinh ngày: 19/10/2016.

Giao cháu Trần Ngọc Phụng Ng cho chị Hồ Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao 02 cháu Trần Thế M và Trần Bảo N cho anh Trần Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh Th có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005817 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam